TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI **TỈNH H□NG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ -ST
Ngày 02/8/2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đồng Dực
Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Huế - Chủ tịch Hội phụ nữ huyện
Ông Trần Quang Chử - Cán bộ nghỉ hưu

-***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa***: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST - HNGĐ ngày 28/5/2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1996
Trú tại: CC, BM, BL, Hà Nam
- Bị đơn : Anh Trần Thế D, sinh năm 1992
Trú tại: CT, ĐL, AT, Hưng Yên
Anh D, chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2024 và lời khai của chị C trình bầy: Anh chị quen biết nhau do có người giới thiệu, sau vài tháng tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, anh chị về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc vào tháng 02/2024. Sau khi cưới chị không về gia đình chồng ở vì có nhiều mâu thuẫn, anh D nhiều lần xúc phạm chị cũng như gia đình chị, anh D nói chị lấy anh vì tiền mặc dù vừa tổ chức đám cưới xong thì anh yêu cầu chị phải trả lại. Trong khi tổ chức đám cưới anh chia từ những thứ nhỏ nhất như tiền trang điểm, sau ngày cưới thì anh chị không còn liên lạc, nói chuyện với nhau. Nay chị xác định vợ chồng không còn, không thể ở với nhau được nữa nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Anh Trần Thế D trình bày: Anh chị tự quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu khoảng 2 tháng anh chị báo cáo hai gia đình, hai gia đình tổ chức cưới vào đầu tháng giêng âm lịch năm 2024. Sau khi tổ chức cưới xong chị C trả lại nhẫn cưới và đòi ly hôn. Hôm sau anh đưa chị C về bên ngoại lại mặt, sau đó chị C ở lại, còn anh về nhà. Ngày 7/3/2024 chị C điện cho anh lên Hà Nội để đi du lịch nhưng đến giờ đi thì lại hủy và đi về, ngày hôm sau chị C nhắn tin cho anh bảo gửi giấy tờ để làm hồ sơ ly hôn. Anh mong muốn chị C suy nghĩ chín chắn hơn, xem xét lại mình, có khuyên suy nghĩ lại nhưng chị C không thay đổi. Nhận thấy chị C có vấn đề về suy nghĩ cũng như nhân cách, dùng những lời lẽ, lý do, sự việc bịa đặt làm xấu danh dự của anh và gia đình nên chị C xin ly hôn anh đồng ý ly hôn
- Về con chung: Không có
- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Bà Phạm Thị Tươi (mẹ đẻ của anh D) trình bày: Anh chị tự tìm hiểu nhau, sau đó anh D gọi điện cho bà báo cáo là sang gia đình chị C nói chuyện, bà có gọi điện cho mẹ C để bàn thì mẹ chị C có bảo chưa thấy chị C nói gì, bà có bảo mẹ chị C là hỏi lại chị C, sau đó bà có gọi điện lại cho anh D, anh D gọi cho chị C và gia đình chị C, và hai bên vẫn giữ lịch nói chuyện, khi hai gia đình nói chuyện anh chị tự nguyện đến với nhau và quyết định kết hôn, bà có mời gia đình chị C sang nhà bà chơi để thăm nhà cửa, sau đó 2 gia đình quyết định tổ chức cưới cho anh chị, để chuẩn bị đám cưới do chị C bận nên anh D đã mua toàn bộ chăn ga gối đệm, khi đăng ký kết hôn về chị C không đồng ý đã thay bộ đồ dùng trong phòng cưới, anh D cũng nghe. Sau ngày cưới, anh chị về lại mặt, từ đó chị C không về nhà bà, sau đó chị C nói không hợp duyên, không hợp số nên không ở được, gia đình bà rất bức xúc về việc này. Nay chị C xin ly hôn, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có

Tại biên bản xác minh với UBND xã Đa Lộc: Vợ chồng anh D, chị C có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc ngày 13/02/2024. Quá trình chung sống anh D, chị C có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được. Anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại CT, ĐL, AT, Hưng Yên
- Về con chung: Không có
- Về tài sản chung: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 02/8/2024: Anh D, chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã cơ bản chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn; người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 71, 78 BLTTDS.

- Bị đơn đã được Toà án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng vắng mặt không lý do, vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS.

+ Về đường lối giải quyết:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí của Tòa án. Đề nghị xử:

- Về tình trạng hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị C và anh D.

- Về con chung: Vợ chồng chị C và anh D không có con chung.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có.

- Đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh D, chị C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 13/02/2024. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh D, chị C là hợp pháp. Nay chị C có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh D có nơi cư trú tại CT, ĐL, AT nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị C, anh D đều xác định sau khi tổ chức cưới xong thì hôm sau vợ chồng không ở với nhau, về phía chị C nguyên nhân là do anh D yêu cầu chị trả lại toàn bộ nhẫn cưới, hơn nữa anh D không tôn trọng chị C và gia đình chị C, anh D xác định sau khi cưới chị C có trả lại nhẫn cưới, nguyên nhân tại sao anh D không rõ, sau đó đòi ly hôn, anh D đã thuyết phục chị C suy nghĩ lại nhưng chị C vẫn không thay đổi, vợ chồng chị C, anh D chỉ có 01 ngày chung sống cùng nhau, sau đó sống ly thân nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh D, chị C đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, chị C, anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị C kiên quyết xin ly hôn, anh D đều vắng mặt nhưng đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy cả chị C và anh D đều không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có đủ căn cứ để xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị C và anh D.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh D, chị C không có con chung

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh D, chị C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị C tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238 BLTTDS;

- Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Trần Thế D

2- Về con chung: Anh D, chị C không có

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Chị C tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000798 ngày 28 tháng 05 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Hoàn trả chị C 150.000 đồng

5- Quyền kháng cáo: Chị C, anh D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Phòng GĐKT;
-VKSND + THADS huyện;
-Đương sự;
-UBND xã Đa Lộc, Ân Thi, Hưng Yên;
-Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đồng Dực